

SỰ KHÁC BIỆT VỀ VÙNG MIỀN TRONG VIỆC SỬ DỤNG CHIẾN LƯỢC HỌC NGOẠI NGỮ CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN ANH VĂN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Thành Đức¹, Trịnh Hồng Tinh² và Huỳnh Minh Thu³

ABSTRACT

Language learning strategies are critically important for English learners to enhance the activeness and self-directedness in their learning process (Oxford, 1990). In order to meet the demand from the policy of improving the English proficiency of Vietnamese learners in the 21st century, the application of language learning strategies into English classes in tertiary context is noteworthy. After researching meticulously on the Internet and in Learning Resource Center of Can Tho University (CTU, Vietnam) about the relations between different backgrounds (in terms of knowledge, academic training process, learning experience) and learning behaviors, the researchers withdrew a conclusion that there is little research in this field; thus, this current study aims at investigating the regional differences in language learning strategy uses of 409 pre-intermediate language learners of CTU who come from 20 different regions of Vietnam. The 50-item Strategy Inventory for Language Learning (SILL) (Oxford, 1990) was employed to examine the level of language learning strategy uses of the participants. On the basis of the findings, pedagogical implications will be suggested for teaching and learning English in CTU in the future.

Keywords: *Language learning strategies, SILL region, Can Tho University*

Title: *Regional differences in language learning strategy use of non-English major students at Can Tho University*

TÓM TẮT

Chiến thuật học ngoại ngữ được đánh giá có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao tính năng động và tính tự quản trong tiến trình học của người học tiếng Anh (Oxford, 1990). Nhằm đáp ứng yêu cầu của chính sách nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của người Việt Nam trong thế kỉ 21, việc áp dụng các chiến lược học ngoại ngữ vào các lớp ngoại ngữ ở môi trường Đại học sẽ giúp người học trở nên năng động và biết quản lý việc học của bản thân. Sau quá trình tìm kiếm tỉ mỉ trên mạng Internet và ở Trung Tâm Học Liệu trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam về mối tương quan giữa các nền tảng cá nhân (xét về kiến thức, tiến trình giáo dục – đào tạo, kinh nghiệm học tập) và hành vi học tập, nhóm tác giả rút ra kết luận rằng có ít nghiên cứu về lĩnh vực trên; do đó, bài nghiên cứu này nhằm điều tra sự khác nhau về vùng miền trong việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ của 409 người học có trình độ tiếng Anh tiền trung cấp của đại học Cần Thơ, đến từ 20 vùng miền khác nhau của Việt Nam. Bảng đánh giá các chiến lược học ngoại ngữ (Strategy Inventory for Language Learning - SILL) gồm 50 câu hỏi (Oxford, 1990) đã được sử dụng để kiểm tra mức độ sử dụng chiến thuật học ngoại ngữ của các sinh viên tham gia vào nghiên cứu. Dựa trên những kết quả nghiên cứu tìm được, những đề xuất về giáo dục sẽ được nêu lên để giúp cải thiện việc dạy và học tiếng Anh ở trường Đại học Cần Thơ trong thời gian sắp tới.

Từ khóa: *Chiến thuật học ngoại ngữ, SILL, vùng miền, Đại học Cần Thơ*

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

² Trung Tâm Anh ngữ Gia Việt, Cần Thơ

³ Trung Tâm Anh ngữ Gia Việt, Cần Thơ

1 LƯỢC KHẢO TÀI LIỆU

Theo “Chiến lược phát triển Giáo dục Việt Nam 2009 – 2020”, Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thể hệ người Việt Nam mới đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Dự thảo của chiến lược trên đề cập tiếng Anh là một công cụ vô cùng hiệu quả và quan trọng giúp phát triển kinh tế cho nước ta khi bước vào thế kỉ 21; minh chứng cụ thể là cho đến tháng 12 năm 2008 đã có 23 chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế được giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh ở 17 trường Đại học ở Việt Nam. Tuy nhiên, ngành giáo dục của chúng ta vẫn đang phải đối mặt với một số khó khăn và thách thức đó chính là sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội có xu hướng gia tăng, khoảng cách phát triển giữa các vùng miền ngày càng rõ rệt. Điều này có thể làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa các miền nói chung và giữa các đối tượng người học nói riêng. Bên cạnh đó, những bất cập trong việc đổi mới phương pháp lấy người học làm trung tâm ở các vùng miền vẫn còn là vấn đề nan giải. Thật vậy, việc đổi ngôi từ phương pháp học lấy giáo viên làm trung tâm sang người học là trung tâm đang mang đến những biến chuyển tích cực trong việc khắc phục tình trạng học sinh học tập một cách thụ động, thiên về ghi nhớ, lười suy nghĩ; bên cạnh đó, học sinh còn được phát triển về các kĩ năng cũng như năng lực suy nghĩ độc lập, nhận biết vấn đề, lập giả thuyết, làm sáng tỏ và thử nghiệm các giả thuyết, rút ra kết luận (Sharma & Hannafin, 2005).

Do đó, việc định hướng cho các em sử dụng chiến thuật học ngoại ngữ trong quá trình học của bản thân là vô cùng cần thiết vì điều đó sẽ giúp các em thành những người học ngoại ngữ thành công (Yang, 1999).

1.1 Tổng quan tài liệu

1.1.1 Phân loại “những chiến lược học ngôn ngữ”

Hệ thống các chiến lược học ngôn ngữ của Oxford (1990) thật sự là một công cụ hiệu quả, và có giá trị sử dụng cao theo đánh giá của các nhà nghiên cứu học thuật trên toàn thế giới (Hong-Nam & Leavell, 2006; Lawrence, 2009; Liu, 2010). Do đó, nhóm tác giả tự tin sử dụng bảng các chiến lược học ngoại ngữ của Oxford (1990) làm nền tảng, cơ sở lý luận cho bài nghiên cứu này.

“Chiến lược học ngoại ngữ” được dùng để chỉ những hoạt động của người học nhằm hỗ trợ quá trình thu nhận kiến thức, vận dụng kiến thức ngoại ngữ đã được lưu trữ. Những hoạt động này nếu được người học áp dụng sẽ khiến cho việc học trở nên dễ dàng hơn, thú vị hơn; bên cạnh đó, chúng còn có ích trong việc giúp người học biết cách quản lý việc học chặt chẽ hơn (Oxford, 1990). Nhóm 50 chiến lược học ngoại ngữ của Oxford (1990) được chia làm hai nhóm chính: nhóm chiến lược trực tiếp (bao gồm: nhóm chiến lược ghi nhớ, nhóm chiến lược nhận thức, và nhóm chiến lược đối phó) và nhóm chiến lược gián tiếp (bao gồm: nhóm chiến lược siêu nhận thức, nhóm chiến lược kiểm soát cảm giác/ cảm xúc và nhóm chiến lược giao tiếp xã hội).

Nhóm chiến lược ghi nhớ (memory strategies): Dùng để lưu trữ thông tin, kết nối những thông tin cần thiết và khơi gọi lại những thông tin đã tiếp nhận trước đó.

Nhóm chiến lược nhận thức (cognitive strategies): Người học ngôn ngữ có khuynh hướng sử dụng nhóm chiến lược này thường xuyên vì chúng giúp người học hiểu và áp dụng ngôn ngữ bằng nhiều cách khác nhau.

Nhóm chiến lược đối phó (compensation strategies): Giúp cho người học ngôn ngữ vượt qua những lỗ hổng về kiến thức, cụ thể là từ vựng, ngữ pháp để có thể hiểu và sử dụng ngôn ngữ đích.

Nhóm chiến lược siêu nhận thức (metacognitive strategies): Giúp người học lên kế hoạch, quản lý việc học của bản thân và đánh giá cả quá trình cũng như khả năng của bản thân sau đó.

Nhóm chiến lược kiểm soát tình cảm/ cảm xúc (affective strategies): Giúp người học kiểm soát cảm xúc của bản thân để không ảnh hưởng đến việc học của bản thân.

Nhóm chiến lược giao tiếp xã hội (social strategies): Trong quá trình giao tiếp, người học sẽ sử dụng chiến thuật này để giúp việc giao tiếp thành công hơn với sự giúp đỡ của người xung quanh, có thể là người bản xứ nói ngôn ngữ đó.

1.1.2 Các nghiên cứu liên quan

Trên thế giới, có rất một số tác giả nghiên cứu về mối liên quan giữa chiến lược học ngoại ngữ và năng lực ngoại ngữ của học sinh. Ở châu Á, Peacock và Ho (2003) khảo sát việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ của trên 1006 sinh viên Hồng Kong và kết quả cho thấy sinh viên chỉ sử dụng các chiến lược ở mức độ trung bình. Nghiên cứu của Wharton (2000) trên sinh viên Singapore và nghiên cứu của Riazi và Rahimi (2005) ở sinh viên Iran cũng chỉ ra kết quả tương tự nghiên cứu của Peacock và Ho (2003). Kết quả của Nguyen (2007) khi nghiên cứu sinh viên năm thứ hai khoa Ngôn ngữ và văn hóa Anh – Mỹ tại trường Đại học Ngoại ngữ, Hà Nội, Việt Nam cũng chỉ ở mức $M=3,4$, mức độ trung bình, mặc dù con số này có cho thấy việc đối tượng nghiên cứu ở đây sử dụng các chiến lược học ngoại ngữ ở mức cao hơn so với sinh viên ở Palestin và Iran.

Ehrman và các đồng sự (2003) đã chỉ ra rằng người học nào cũng đều sử dụng các chiến lược học ngoại ngữ, nhưng mức độ sử dụng khác nhau. Những người nào càng sử dụng chiến lược học ngoại ngữ một cách thường xuyên thì càng dễ trở thành những người học ngoại ngữ thành công. Nghiên cứu của Oxford và Nyikos vào năm 1987 đã chứng minh cho lập luận trên. Không những thế, Nisbet và các đồng sự (2005) cũng đã tập trung nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ giữa việc sử dụng chiến thuật với những kết quả học tập của sinh viên Đại học.

1.2 Tầm quan trọng của bài nghiên cứu

Dựa trên việc tìm kiếm các bài nghiên cứu liên quan trong lĩnh vực sử dụng các chiến lược ở các vùng miền khác nhau, nhóm tác giả chưa thấy bài nghiên cứu nào về lĩnh vực vừa mới đề cập; do đó, nhóm chúng tôi sẽ tiên phong trong việc thực hiện một nghiên cứu ở quy mô cấp trường, kiểm tra việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ của sinh viên Đại học Cần Thơ đến từ 20 tỉnh thành ở Việt Nam, từ Hà Tĩnh trở vào Cà Mau. Mục đích của việc thực hiện nghiên cứu này nhằm giúp cho sinh viên có dịp kiểm tra, nhận định lại cách thức học tiếng Anh của bản thân từ trước đến nay, từ đó sinh viên có thể tiếp cận gần hơn với những phương pháp học Anh văn đúng đắn và định hướng bản thân để trở thành những người học ngoại

ngữ năng động suốt đời. Đối với các giáo viên Anh văn, các Thầy/Cô có thể tham khảo kết quả nghiên cứu để có những cách dạy phù hợp với sự đa dạng về vùng miền trong lớp của mình, giúp “cá thể hóa” (Roy-Singh, 1991) những ưu điểm của người học, tạo những bước đệm vững chắc cho các em trước khi ra trường.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp nghiên cứu và công cụ thu thập dữ liệu

Bài nghiên cứu theo hướng miêu tả, sử dụng bảng khảo sát có tên “Bảng đánh giá các chiến lược học ngoại ngữ” (Strategy Inventory for Language Learning - SILL) gồm 50 câu hỏi được dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt nhằm đo mức độ sử dụng các chiến lược của sinh viên từ các tỉnh khác nhau của Việt Nam. Bởi vì bảng đánh giá này đã được sử dụng nhiều lần trong các bài nghiên cứu về việc sử dụng chiến lược của người học ngoại ngữ trên thế giới, trong đó có các nước ở Châu Á (Nisbet *et al.*, 2005; Hong-Nam & Leavell, 2006; Lawrence, 2009; Liu, 2010), do đó nhóm tác giả mạnh dạn sử dụng lại bảng câu hỏi mà không cần tính số alpha (α) để đo độ tin cậy của bảng câu hỏi và cũng không thực hiện nghiên cứu định hướng (pilot study).

2.2 Tiến trình thực hiện

Nhóm tác giả thu thập số liệu từ ngày 08 tháng 04 đến ngày 24 tháng 04 năm 2012 ở các khoa của trường Đại học Cần Thơ, bao gồm: Khoa Công nghệ, Khoa Môi trường, Khoa Nông nghiệp, Khoa Sư phạm, Khoa Thủy sản, Khoa Kinh tế.

Các bạn sinh viên được yêu cầu điền rõ ràng về nơi thường trú của bản thân trước khi đến học ở đại học Cần Thơ. Bên cạnh đó, họ cũng được cho biết rằng không có câu trả lời đúng hay sai để họ tự tin trả lời bảng khảo sát.

Sau đó, nhóm tác giả lọc ra danh sách theo từng địa phương của từng khoa và bắt đầu phân tích số liệu.

2.3 Câu hỏi nghiên cứu

Trong bài nghiên cứu này, nhóm tác giả mong muốn tìm ra câu trả lời cho câu hỏi: “*Có sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ của sinh viên không chuyên Anh văn của trường đại học Cần Thơ đến từ các vùng miền khác nhau của Việt Nam hay không?*”

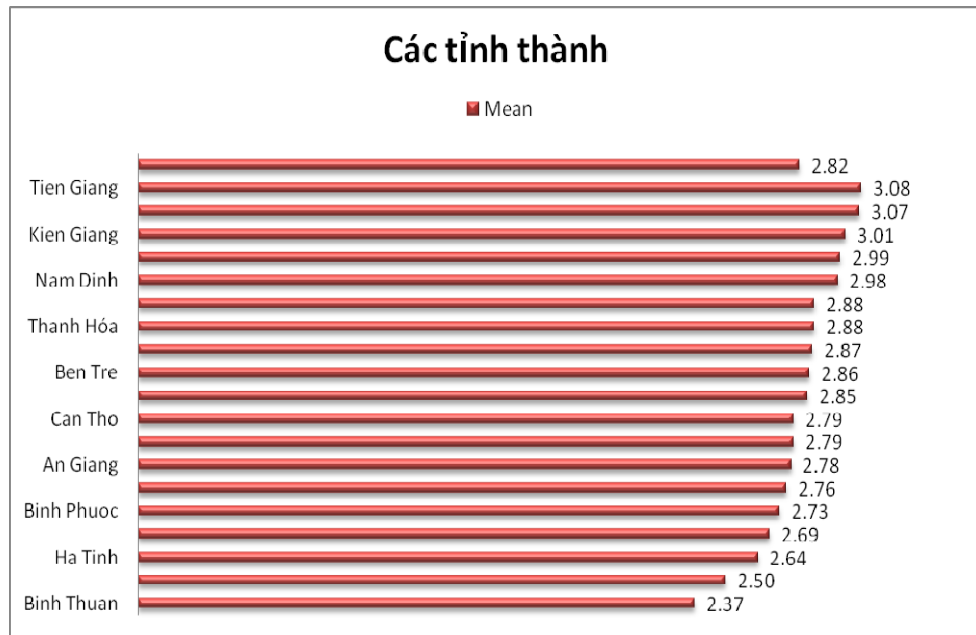
3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kết quả

Nhóm tác giả sử dụng phần mềm SPSS 16.0 để đo mức độ sử dụng các chiến lược học ngoại ngữ dựa trên thang Likert ở 5 mức độ: 1=hoàn toàn không hoặc hầu như không đúng với tôi; 2=thường không đúng với tôi; 3=hơi đúng với tôi; 4=thường đúng với tôi; 5=luôn đúng với tôi.

Oxford (1990) đánh giá việc sử dụng chiến thuật học ngoại ngữ theo ba cấp độ: 3,5 – 5,0 (mức độ cao); 2,5 – 3,4 (mức độ trung bình); 1,0 – 2,4 (mức độ thấp).

Sau khi sử dụng lệnh *Descriptive Test* cho từng tỉnh thành thì ta có kết quả như sau:



Như vậy, dựa vào biểu đồ, ta có thể kết luận rằng không có sự khác biệt đáng kể trong việc sử dụng chiến thuật học ngoại ngữ của sinh viên ở 20 tỉnh thành ở Việt Nam. Những sinh viên này sử dụng chiến thuật ở mức độ trung bình, chỉ trừ những sinh viên từ Bình Thuận có mức độ sử dụng thấp hơn nhiều so với trung bình chung của các tỉnh là 2,82.

3.2 Thảo luận

Sau khi xem xét, đánh giá kết quả, ta thấy rằng việc sử dụng chiến lược của sinh viên Đại học Cần Thơ đến từ 20 tỉnh thành phố ở Việt Nam chỉ ở mức trung bình, điều này trùng khớp với những kết quả tìm thấy trước đó trong một số nghiên cứu ở một số nước Châu Á (Wharton, 2000; Peacock & Ho, 2003; Riazi và Rahimi, 2005, Nguyen, 2007). Như vậy, ta có thể kết luận rằng sinh viên không chuyên Anh văn của Đại học Cần Thơ không sử dụng nhiều chiến lược trong quá trình học ngoại ngữ; nhìn chung, trình độ của các sinh viên chỉ ở mức trung bình, bởi vì theo Cohen và Apeh (1981), khi người học ngoại ngữ càng giỏi, thì chiến lược được họ sử dụng ngày càng nhiều và càng điều luyện, trở thành “vật sở hữu” của người học ngoại ngữ. Điều có thể lý giải cho mức độ sử dụng chiến lược học ngoại ngữ ở mức trung bình của sinh viên Việt Nam nói riêng và sinh viên Châu Á nói chung là thái độ học tập thụ động, làm theo lời của giáo viên (rote-learning) và chỉ làm theo những gì giáo viên yêu cầu mà không có một chủ kiến của riêng mình (Wu, 2008), hoặc sinh viên đã quen với những chiến lược đó, chúng tồn tại trong tiềm thức của người dùng nên họ không nhận ra mình đang sử dụng những chiến lược đó. Ở Việt Nam, học sinh bắt đầu học Anh văn từ năm lớp sáu (đối với học sinh ở vùng có hoàn cảnh khó khăn), đa số học sinh tiếp cận với tiếng Anh từ cấp tiểu học (nhất là ở khu vực thành thị) cho nên chưa rõ ràng. Thật sự vậy, kết quả tìm được trong bài nghiên cứu này là một hồi chuông đáng báo động đối với việc học ngoại ngữ của sinh viên không chuyên Anh văn trường Đại học Cần Thơ. Đây là những sinh viên đã trải qua ít nhất ba đến năm năm học Anh văn, đã phải vượt qua các kì thi tốt

ngiệp trung học, và thi tuyển sinh Đại học, nhưng việc áp dụng các chiến lược học ngoại ngữ của họ còn ở mức tương đối thấp. Do đó, chúng ta cần xem xét để định hướng việc học tiếng Anh của các sinh viên này trong thời gian sắp tới.

4 KẾT LUẬN

4.1 Những đề xuất cho nghiên cứu tiếp theo

Thứ nhất, việc chênh lệch về số lượng sinh viên ở một tỉnh khiến cho kết quả không mang tính khách quan. Cụ thể là sinh viên ở những miền ngoài như Thanh Hóa, Bình Thuận, Hà Tĩnh chỉ có 3 người ở mỗi tỉnh, trong khi số lượng sinh viên đến từ đồng bằng sông Cửu Long tham gia trong nghiên cứu nhiều gấp 10 lần so với các sinh viên miền ngoài, ví dụ như thành phố Cần Thơ (40 người), Kiên Giang (40 người), Vĩnh Long (36 người), Cà Mau (30 người), Bạc Liêu (20 người). Vì vậy, nên chăng số lượng người tham gia ở các vùng miền nên tương đồng nhau để có kết quả khách quan hơn.

Thứ hai, những nghiên cứu sắp tới nên trải rộng ra hơn ở các khoa trong trường Đại học Cần Thơ, thu hút thêm số lượng sinh viên trả lời bảng khảo sát; như thế, ta có thể đánh giá chính xác hơn nữa kết quả nghiên cứu cuối cùng.

4.2 Kết luận

Dựa trên kết quả nghiên cứu này, nhóm tác giả rút ra kết luận rằng không có sự khác biệt đáng kể trong việc sử dụng chiến lược học ngoại ngữ của sinh viên đại học Cần Thơ ở 20 tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam; nói một cách khác, đa số những sinh viên này đều sử dụng các chiến lược học ngoại ngữ ở mức độ trung bình. Kết quả này nên được xem xét một cách nghiêm túc bởi chính người học và người dạy môn tiếng Anh. Thứ nhất, sinh viên nên thấy được những điểm còn hạn chế của mình trong việc học ngoại ngữ, và có những điều chỉnh kịp thời để cải thiện năng lực ngoại ngữ của bản thân bằng cách đưa ra những chiến lược học hợp lý trong thời gian tới. Đối với giáo viên Anh văn, Thầy/Cô sẽ có cái nhìn rõ ràng hơn về mặt bằng chung của năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên trường đại học Cần Thơ, từ đó, nhóm tác giả khuyến khích Thầy/Cô nên giới thiệu và định hướng cho sinh viên những chiến lược học ngoại ngữ hợp lý như tự lên kế hoạch, tự điều chỉnh quá trình học và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân để các em có thể trở thành những người học ngoại ngữ thành công. Đó cũng là nhiệm vụ giáo dục được đặt ra trong “Chiến lược giáo dục 2009 – 2020” của Chính phủ Việt Nam nhằm “giúp nâng cao nhân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước,...Đó là động góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế, xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cohen, A. D., & Aphek, E. (1981). Easifying second language learning. *Studies in second language acquisition*, 3(2), 221-236.
- Ehrman, M. E., Leaver, B. L., & Oxford, R. L. (2003). A brief overview of individual differences in second language learning. *System*, 31(3), 313-330.
- Hong-Nam, K., & Leavell, A. G. (2006). Language learning strategy use of ESL students in an intensive English learning context. *System*, 34(3), 399-415.

- Lawrence, W. (2009). Chinese senior high school efl students' metacognitive awareness and reading-strategy use. *Reading in a foreign language*, 21(1), 37 - 59.
- Liu, J. (2010). Language learning strategies and its training model. *International Education Studies*, 3(3), 100 - 108. Retrieved from <http://www.ccsenet.org/journal/index.php/ies/article/download/6776/5315>
- Nisbet, D. L., Tindall, E. R., & Arroyo, A. A. (2005). Language learning strategies and English proficiency of Chinese university students. *Foreign language annals*, 38(1), 100-107.
- Nguyen, T. H. (2007). Việc sử dụng các thủ thuật học tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai khoa Ngôn ngữ và văn hóa Anh – Mỹ [Pattern of language learning strategy use of second-year-efl students and teachers' perception of such use]. *Tạp chí khoa học ĐHQGHN*, 23, 242 – 256. Retrieved from http://news.vnu.edu.vn/Duc_Thien%5Cso4/B%C3%A0i%208.%20Nguy%20n%20Thu%20Hi%20n.pdf
- Oxford, R. L. (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know*. New York: Newbury House.
- Peacock, M., & Ho, B. (2003). Student language learning strategies across eight disciplines. *International Journal of Applied Linguistics*, 13(2), 179-200.
- Riazi, A., & Rahimi, M. (2005). Iranian EFL learners' pattern of language learning strategy use. *The Journal of Asia TEFL*, 2(1), 103 - 129.
- Roy-Singh, R. (1991). *Education for the twenty-first century: Asia-Pacific perspectives*: Unesco principal regional office for asia and the pacific.
- Sharma, P., & Hannafin, M. J. (2007). Scaffolding in technology-enhanced learning environments. *Interactive Learning Environments*, 15(1), 27-46.
- Wharton, G. (2000). Language learning strategy use of bilingual foreign language learners in Singapore. *Language learning*, 50(2), 203-243.
- Wu, M. M. (2008). Language learning strategy use of Chinese ESL learners of Hong Kong- findings from a qualitative study. *Electronic Journal of Foreign Language Teaching*, 5(1), 68-83.